

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	15 - 41

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000131 ngày 24 tháng 12 năm 2003 với tên gọi Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 19 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đã đổi số đăng ký kinh doanh thành số 0500444772.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ và thay đổi tên công ty, trong đó, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 8 năm 2018.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 221 6425
- Fax : 0243 221 6423

### **Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Khai thác cát, đá sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi, kính xây dựng);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (chi tiết: bán buôn sắt, thép, quặng kim loại, tấm lợp);
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khí công nghiệp, khí gas);
- Chế biến bảo quản rau, quả;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (chi tiết: kinh doanh dịch vụ bất động sản như dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, tư vấn, môi giới, định giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất);
- Xây dựng công trình công ích;

# CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: công nghiệp, công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: khách sạn);
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Sản xuất rượu vang;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, thiết kế nội thất công trình, lập dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế quy hoạch xây dựng, xuất nhập các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)./.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và hết nhiệm kỳ vào ngày 10 tháng 8 năm 2018:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Trọng Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2017
Ông Đinh Mạnh Thắng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2017
	Thành viên	Tạm đình chỉ từ ngày 08 tháng 12 năm 2017
Ông Hoàng Văn Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013
Bà Phùng Minh Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013
Ông Đinh Mạnh Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2013

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty được bổ nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 8 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Vũ Trọng Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Đinh Mạnh Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lưu Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

### Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và hết nhiệm kỳ vào ngày 10 tháng 8 năm 2018:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Anh Đức	Trưởng ban	Ngày 06 tháng 4 năm 2013
Bà Bùi Thị Minh Phương	Thành viên	Ngày 06 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Tuấn Nam	Thành viên	Ngày 06 tháng 4 năm 2013

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty được bổ nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 8 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phùng Minh Bằng	Trưởng ban	Ngày 14 tháng 8 năm 2018
Bà Ngô Thị Thúy Hương	Thành viên	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	Ngày 10 tháng 8 năm 2018

### Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm ngày 10 tháng 8 năm 2018:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lưu Văn Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Đào Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 28 tháng 3 năm 2017	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Phạm Trường Tam	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2017	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 10 năm 2017	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty từ thời điểm ngày 10 tháng 8 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lê Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Huy Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2018

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lưu Văn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng giám đốc 



Vũ Trọng Hùng

Ngày 21 tháng 12 năm 2018

Số: 2.0023/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 12 năm 2018, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2018. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về khoản mục “Hàng tồn kho” được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 140.470.098.025 VND.
- Một số khoản công nợ phải thu khách hàng và nợ phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan với số tiền là 213.040.423.105 VND và 194.814.164.829 VND.

- Công ty chưa thực hiện việc trích dự phòng nợ phải thu khó đòi theo tuổi nợ mà chỉ trích dự phòng theo khả năng thu hồi. Chúng tôi không thể đưa ra ước tính độc lập về chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập cho 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo qui định.
- Báo cáo tài chính chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cũng như các khoản tiền phạt chậm nộp các khoản này của Công ty TNHH Đầu tư Khoáng sản Sotraco với số tiền là 16.282.309.283 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính thì chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm, tăng tương ứng.

#### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Công việc soát xét của chúng tôi cho thấy rằng, do tầm quan trọng của các vấn đề được trình bày tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.11 về Dự án Khu dân cư Vĩnh Thanh, Nhơn Trạch, Đồng Nai được phản ánh trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 20.898.229.995 VND. Dự án đang bị chậm triển khai do thiếu vốn. Việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phó Giám đốc – Lê Văn Khoa

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>494.332.498.876</b>	<b>525.066.238.049</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>36.404.667.692</b>	<b>41.831.571.959</b>
1. Tiền	111		786.879.237	6.213.783.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.617.788.455	35.617.788.455
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.066.876.690</b>	<b>1.685.325.590</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.619.268.981	3.619.268.981
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.052.392.291)	(1.933.943.391)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	3.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>301.065.327.017</b>	<b>330.612.004.297</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	287.855.471.303	316.886.939.970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.963.309.494	8.090.033.650
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	13.423.862.508	13.812.346.965
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(8.177.316.288)	(8.177.316.288)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>136.804.708.562</b>	<b>133.666.550.441</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	140.470.098.025	137.331.939.904
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(3.665.389.463)	(3.665.389.463)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.990.918.915</b>	<b>17.270.785.762</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.895.461.615	8.830.330.281
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.095.457.300	8.440.455.481
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>139.972.293.501</b>	<b>139.986.619.252</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.673.051.171</b>	<b>29.611.502.783</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	28.622.394.501	29.546.372.781
<i>Nguyên giá</i>	222		38.808.421.145	38.808.421.145
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.186.026.644)	(9.262.048.364)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50.656.670	65.130.002
<i>Nguyên giá</i>	228		156.840.000	156.840.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(106.183.330)	(91.709.998)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>76.770.209.860</b>	<b>73.611.212.079</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		20.898.229.995	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.871.979.865	73.611.212.079
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.947.739.581</b>	<b>10.387.739.581</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	14.947.739.581	16.387.739.581
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.581.292.889</b>	<b>26.376.164.809</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	23.196.677.123	23.196.677.123
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	2.384.615.766	3.179.487.686
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>634.304.792.377</b>	<b>665.052.857.301</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>517.277.063.670</b>	<b>542.035.305.313</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>489.108.719.668</b>	<b>507.976.961.311</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	220.661.809.490	232.458.950.031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	80.645.801.757	97.606.130.203
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.049.082.653	879.673.500
4. Phải trả người lao động	314		3.514.631.499	3.213.675.662
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	22.095.483.042	8.854.168.517
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	19.096.433.192	18.024.057.464
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	140.478.944.216	145.291.762.115
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.566.533.819	1.648.543.819
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.168.344.002</b>	<b>34.058.344.002</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1.500.000	1.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	28.166.844.002	34.056.844.002
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>117.027.728.707</b>	<b>123.017.551.988</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>117.027.728.707</b>	<b>123.017.551.988</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.412.622.500	25.412.622.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		213.538.854	213.538.854
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.256.346.554	10.256.346.554
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.999.499.201)	(24.009.675.920)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(24.009.675.920)	(24.009.675.920)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.989.823.281)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>634.304.792.377</b>	<b>665.052.857.301</b>

Người lập biểu



Lê Trần Thị Tuyết Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Danh Sơn

Lập ngày 21 tháng 12 năm 2018

Tổng Giám đốc



Vũ Trọng Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	151.166.491.148	116.393.074.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.824.122.402	516.963.696
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	143.342.368.746	115.876.110.818
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	135.983.823.961	100.086.352.466
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.358.544.785	15.789.758.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	799.621.067	1.074.205.015
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.711.161.784	10.552.177.075
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.554.551.765	10.444.785.903
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	467.294.382	2.536.413.360
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5.963.612.822	6.995.937.544
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.983.903.136)	(3.220.564.612)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	-	9.092.044.899
13. Chi phí khác	32	VI.9	5.920.145	9.400.220.465
14. Lợi nhuận khác	40		(5.920.145)	(308.175.566)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.989.823.281)	(3.528.740.178)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<small>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)</small>				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(5.989.823.281)</u>	<u>(3.528.740.178)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(5.989.823.281)</u>	<u>(3.528.740.178)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>-</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(539)</u>	<u>(317)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<u>(539)</u>	<u>(317)</u>

Lập, ngày 21 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Trần Thị Tuyết Chinh

Nguyễn Danh Sơn

Vũ Trọng Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5.989.823.281)	(3.528.740.178)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	938.451.612	1.236.228.680
- Các khoản dự phòng	03		118.448.900	(496.687.086)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.279.858)	(31.637.766)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(30.380.574)
- Chi phí lãi vay	06		7.554.551.765	10.444.785.903
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.619.349.138	7.593.568.979
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31.686.547.381	66.961.283.017
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.138.158.121)	1.337.550.322
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.973.413.744)	(9.488.926.725)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		934.868.666	8.928.797.617
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	2.219.223.382
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.554.551.765)	(10.444.785.903)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(82.010.000)	(1.172.590.023)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.492.631.555</b>	<b>65.934.120.666</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.158.997.781)	(18.586.521.820)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.571.623.851
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.440.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	30.380.574
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.218.997.781)</b>	<b>(22.984.517.395)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	104.238.545.022	119.250.714.096
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(114.941.362.921)	(167.700.547.738)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(10.702.817.899)</i>	<i>(48.449.833.642)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.429.184.125)	(5.500.230.371)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	41.831.571.959	53.066.914.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.279.858	31.637.766
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	<u>36.404.667.692</u>	<u>47.598.321.990</u>

Người lập biểu

Lê Trần Thị Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Lập, ngày 21 tháng 12 năm 2018

Tổng Giám đốc



Vũ Trọng Hùng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và thương mại dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác cát, đá sỏi, đất sét; xây dựng nhà các loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp trong xây dựng; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khí công nghiệp, khí gas); sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### ***Thông tin về Công ty con được hợp nhất***

Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Khoáng sản Sotraco có trụ sở chính tại số nhà B28, TT12 khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác và khai khoáng khác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích trong đương với tỷ lệ góp vốn.

Trong năm 2017, công ty con không thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty con đang bị Chi cục Thuế quận Hà Đông áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do có số tiền quá hạn nộp theo Thông báo số 25833/QĐ-CCT-QLN ngày 27 tháng 10 năm 2017.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 98 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 228 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiên, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí Ban quản lý dự án chưa phân bổ vào công trình. Các chi phí này được phân bổ khi ghi nhận doanh thu của các công trình.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt (Việt nam đồng)	574.214.219	756.631.074
Tiền gửi ngân hàng	212.665.018	5.457.152.430
Các khoản tương đương tiền (*)	35.617.788.455	35.617.788.455
<b>Cộng</b>	<b><u>36.404.667.692</u></b>	<b><u>41.831.571.959</u></b>

(\*) Trong đó, các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc kỳ kế toán là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam Chi nhánh Hà Tây, đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh thanh toán bao gồm:

<u>Hợp đồng tiền gửi</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Ngày gửi</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>
02-2016/HĐTĐ	10.000.000.000	11/6/2018	11/7/2018
03-2016/HĐTĐ	10.000.000.000	11/6/2017	11/7/2018
01-2016/HĐTĐ	500.000.000	11/6/2017	11/7/2018
04-2016/HĐTĐ	1.500.000.000	20/4/2018	20/7/2018
04-2016/HĐTĐ	4.700.000.000	04/5/2018	04/8/2018
04-2016/HĐTĐ	4.800.000.000	04/5/2018	04/8/2018
012017/178571/HĐTĐ	1.117.788.455	24/5/2018	24/8/2018
04/178571/HĐTĐ	3.000.000.000	24/4/2017	24/7/2018
<b>Cộng</b>	<b><u>35.617.788.455</u></b>		

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (HOM)	1.565.530.000	380.000.000 (1.185.530.000)	1.565.530.000	389.500.000 (1.176.030.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (SCC)	770.500.000	48.150.000 (722.350.000)	770.500.000	64.200.000 (706.300.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (PCT)	1.032.200.000	887.692.000 (144.508.000)	1.032.200.000	980.590.000 (51.610.000)
Cổ phiếu khác	251.038.981	386.593.400 (4.291)	251.000.000	298.432.700 (3.391)
<b>Cộng</b>	<b>3.619.268.981</b>	<b>1.702.435.400 (2.052.392.291)</b>	<b>3.619.268.981</b>	<b>1.732.722.700 (1.933.943.391)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.933.943.391	2.714.011.163
Trích lập dự phòng bổ sung	118.448.900	250.470.100
Hoàn nhập dự phòng		(51.614.490)
Sử dụng dự phòng		(978.923.382)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.052.392.291</b>	<b>1.933.943.391</b>

### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn 6 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	1.439.799.000			2.879.799.000
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkDrinh	300.000.000			300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăktrih	7.207.940.581			7.207.940.581
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	4.500.000.000	(4.500.000.000)		4.500.000.000 (4.500.000.000)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.500.000.000	(1.500.000.000)		1.500.000.000 (1.500.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>14.947.739.581</b>	<b>(6.000.000.000)</b>		<b>16.387.739.581 (6.000.000.000)</b>

#### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

#### Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.000.000.000	
Trích lập dự phòng bổ sung		6.000.000.000
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành Liên danh PK2 DA XD Quốc lộ 3 mới	19.799.298.937	19.799.298.937
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Việt Nam (Colavi)	26.806.871.109	51.333.682.619
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	36.817.964.480	36.817.964.480
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	39.581.775.694	35.189.952.956
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.850.934.944	7.850.934.944
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.648.648.690	6.199.786.263
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	26.975.443.233	26.975.443.233
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La - Tổng công ty Sông Đà	16.647.870.648	16.812.223.443
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu - Tổng công ty Sông Đà	8.729.747.273	5.026.491.273
BDH dự án thủy điện Hủa Na - Tổng công ty Sông Đà	1.041.431.119	1.041.431.119
Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng- Tổng công ty Sông Đà	1.144.027.037	604.855.595
Công ty Cổ phần Đầu tư Pacific	11.386.263.600	11.386.263.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	10.661.058.606	10.661.058.606
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tài Tâm	4.273.177.036	10.607.456.319
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	8.768.607.315	8.768.607.315
Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex PVC	6.189.256.680	6.189.256.680
Công ty cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	5.323.419.476	5.323.419.476
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát – CTCP	836.970.413	4.181.867.972
Các khách hàng khác	49.372.705.013	52.116.945.140
<b>Cộng</b>	<b><u>287.855.471.303</u></b>	<b><u>316.886.939.970</u></b>

Trong đó, công nợ phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 chưa được đối chiếu xác nhận là 213.040.423.105 VND

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	1.307.486.248	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long	1.000.000.000	868.896.000
Các nhà cung cấp khác	4.005.823.246	4.571.137.650
<b>Cộng</b>	<b><u>6.313.309.494</u></b>	<b><u>6.440.033.650</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.623.817.915	(1.179.435.785)	11.017.495.348	(1.179.435.785)
BDH dự án Thủy điện Huội Quảng	600.000.000		600.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Long Thành	500.000.000		500.000.000	
Các tổ chức và cá nhân khác	1.700.044.593	(938.916.954)	1.694.851.617	(938.916.954)
<b>Cộng</b>	<b>13.423.862.508</b>	<b>(2.118.352.739)</b>	<b>13.812.346.965</b>	<b>(2.118.352.739)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	5.323.419.476		5.323.419.476	5.323.419.476
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	413.736.400		413.736.400	413.736.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	170.046.833		170.046.833	170.046.833
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 8 Thăng Long	131.247.240		131.247.240	131.247.240
Phùng Xuân Nam	880.461.637	440.230.818	440.230.819	440.230.818
Nguyễn Thế Lanh	872.586.490	436.293.245	436.293.245	436.293.245
Phan Văn Mạnh	357.522.291	178.761.145	178.761.146	178.761.145
Lê Văn Cường	397.861.368	706.805	397.154.563	706.805
Đào Xuân Dương	162.980.578		162.980.578	162.980.578
Nguyễn Kiến Thiết	133.245.950		133.245.950	133.245.950
Nguyễn Đình Chính	91.050.000	45.525.000	45.525.000	45.525.000
Trần Nguyễn Anh Tuấn	80.846.400	40.423.200	40.423.200	40.423.200
Lê Văn Tuấn	76.000.000	38.000.000	38.000.000	38.000.000
Lê Ngọc Lâm	57.321.804		57.321.804	57.321.804
Đoàn Ngọc Long	48.892.105		48.892.105	48.892.105
Mai Thanh Liêm	45.000.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000
Trịnh Văn Hạnh	36.272.641	18.136.320	18.136.321	18.136.321
Đoàn Mạnh Cường	29.474.176	14.737.088	14.737.088	14.737.088
Nguyễn Việt Cường	26.194.872		26.194.872	26.194.872
Nguyễn Xuân Mạnh	25.758.730		25.758.730	25.758.730
Đào Văn Thắng	21.072.272	10.536.136	10.536.136	10.536.136
Bùi Trung Kiên	16.988.283	8.494.141	8.494.142	8.494.141
Trần Quý Bình	10.025.000		10.025.000	10.025.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Trần Xuân Lâm	7.779.123	3.889.561	7.779.123	3.889.561
Lương Trường Giang	7.603.784	3.801.892	7.603.784	3.801.892
Nguyễn Quang Hưng	6.804.890	3.402.445	6.804.890	3.402.445
Trần Hùng	5.995.080	2.997.540	5.995.080	2.997.540
Hồ Thị Kim Ánh	5.798.002	2.899.001	5.798.002	2.899.001
Hoàng Văn Lĩnh	5.459.280	2.729.640	5.459.280	2.729.640
Tạ Hồng Quyên	3.531.880	1.765.940	3.531.880	1.765.940
Tạ Văn Tuyên	2.590.089	1.295.044	2.590.089	1.295.044
Vũ Thị Hà Vân	1.749.150	874.575	1.749.150	874.575
<b>Cộng</b>	<b>9.455.315.824</b>	<b>1.277.999.536</b>	<b>9.455.315.824</b>	<b>1.277.999.536</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng	6.058.963.549		6.058.963.549	
Phải thu khác	1.558.774.247	619.857.293	1.558.774.247	619.857.293
Tạm ứng	1.837.578.028	658.142.243	1.837.578.028	658.142.243

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.177.316.288	656.393.395
Trích lập dự phòng bổ sung		7.520.922.893
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.177.316.288</b>	<b>8.177.316.288</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.613.212.143			
Công cụ, dụng cụ			4.533.460	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	130.233.723.818		129.704.244.380	
Hàng hóa	7.623.162.064	(3.665.389.463)	7.623.162.064	(3.665.389.463)
<b>Cộng</b>	<b>140.470.098.025</b>	<b>(3.665.389.463)</b>	<b>137.331.939.904</b>	<b>(3.665.389.463)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.665.389.463	1.832.694.732
Trích lập dự phòng bổ sung		1.832.694.731
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.665.389.463</b>	<b>3.665.389.463</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dự án nhiệt điện Thái Bình 2	4.734.155.959	3.853.435.500
Chi phí cấp cát công trình Huội Quảng		1.510.871.688
Chi phí dây chuyền nghiền sàng 1,2	1.824.797.424	1.824.797.424
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.336.508.232	1.641.225.669
<b>Cộng</b>	<b>7.895.461.615</b>	<b>8.830.330.281</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí của mỏ đá trạm nghiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	27.732.983.845	7.553.067.500	3.297.358.436	225.011.364	38.808.421.145
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>27.732.983.845</b>	<b>7.553.067.500</b>	<b>3.297.358.436</b>	<b>225.011.364</b>	<b>38.808.421.145</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		213.128.400	1.309.822.073	140.911.364	1.663.861.837
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.427.052.051	3.247.161.069	2.404.668.889	183.166.355	9.262.048.364
Khấu hao trong kỳ	417.085.686	371.128.236	124.221.024	11.543.334	923.978.280
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.844.137.737</b>	<b>3.618.289.305</b>	<b>2.528.889.913</b>	<b>194.709.689</b>	<b>10.186.026.644</b>

### Giá trị còn lại

Số đầu năm	24.305.931.794	4.305.906.431	892.689.547	41.845.009	29.546.372.781
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.888.846.108</b>	<b>3.934.778.195</b>	<b>768.468.523</b>	<b>30.301.675</b>	<b>28.622.394.501</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 25.494.811.737 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây.

### 10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình, phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	156.840.000	(91.709.998)	50.656.670
Khấu hao trong kỳ		(14.473.332)	(14.473.332)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>156.840.000</b>	<b>106.183.330</b>	<b>106.183.330</b>

### 11. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng 281 Tôn Đức Thắng, Hà Nội	500.000.000	500.000.000
Hạ tầng KCN 1 và khu tập kết vật tư phục vụ các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa	49.749.632.565	49.749.632.565
Hạ tầng khu dân cư xã Vĩnh Thành, huyện Nhon Trịch, Đồng Nai(*)	20.898.229.995	20.898.229.995
Mảnh đất 431,4m <sup>2</sup> tại mỏ đá Phú Mãn	1.266.159.000	1.266.159.000
Căn hộ 1106 - ĐN1 tòa nhà T1, dự án Thăng Long Victory	1.197.190.519	1.197.190.519
<b>Cộng</b>	<b>73.611.212.079</b>	<b>73.611.212.079</b>

(\*) Dự án đang chậm triển khai do thiếu vốn. Việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 12. Lợi thế thương mại

	<u>Giá trị</u>	<u>Phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	15.897.438.406	(12.717.950.720)	3.179.487.686
Phân bổ trong kỳ		(794.871.920)	(794.871.920)
Số cuối kỳ	<u>15.897.438.406</u>	<u>(13.512.822.640)</u>	<u>2.384.615.766</u>

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	31.630.530.188	31.630.530.188
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Seen	30.685.110.925	30.685.110.925
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	22.651.438.700	26.651.438.700
Công ty TNHH Sơn dẻo nhiệt Synthetic	12.489.757.948	12.489.757.948
Phải trả các nhà cung cấp khác	<u>123.204.971.729</u>	<u>131.002.112.270</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>220.661.809.490</u></b>	<b><u>232.458.950.031</u></b>

Trong đó, công nợ phải trả người bán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 chưa được đối chiếu xác nhận là 194.814.164.829 VND

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	9.414.440.808	14.322.903.062
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy dầu khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam	66.452.841.945	74.277.818.349
Các khách hàng khác	<u>3.768.719.004</u>	<u>7.995.608.792</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>80.645.801.757</u></b>	<b><u>97.606.130.203</u></b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		748.149.874	(619.568.812)	128.581.062
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		92.785.031	(92.785.031)	
Thuế xuất, nhập khẩu		84.350.028	(84.350.028)	
Thuế thu nhập cá nhân	636.981.161	105.105.259	(25.481.221)	716.605.199
Thuế tài nguyên	38.795.947		(38.795.947)	
Các loại thuế khác	<u>203.896.392</u>	<u>7.000.000</u>	<u>(7.000.000)</u>	<u>203.896.392</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>879.673.500</u></b>	<b><u>1.037.390.192</u></b>	<b><u>(867.981.039)</u></b>	<b><u>1.049.082.653</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

#### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiên, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	17.865.307.400	5.612.539.605
Chi phí các công trình khác	2.521.152.013	2.553.615.383
Chi phí thuê văn phòng		200.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.709.023.629	488.013.529
<b>Cộng</b>	<b><u>22.095.483.042</u></b>	<b><u>8.854.168.517</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác***17a. Phải trả ngắn hạn khác*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	257.421.189	189.344.352
Bảo hiểm y tế	42.191.613	32.682.404
Bảo hiểm thất nghiệp	9.224.189	12.286.184
Cổ tức phải trả	8.927.731.390	8.927.731.390
Tiền đền bù Mỏ đá Hang Làng	4.913.917.000	4.913.917.000
Tiền đặt cọc	1.000.600.000	980.300.000
Tiền bảo hiểm công trình	700.000.000	700.000.000
Các quỹ tự nguyện	1.052.644.848	1.218.595.074
Huy động vốn cá nhân	22.345.551	22.000.000
Cổ tức giữ hộ	1.261.824.308	666.506.208
Quỹ công đoàn	25.814.398	2.940.715
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	882.718.706	357.754.137
<b>Cộng</b>	<b><u>19.096.433.192</u></b>	<b><u>18.024.057.464</u></b>

*17b. Phải trả dài hạn khác*

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ.

**18. Vay ngắn hạn/dài hạn***18a. Vay ngắn hạn*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	136.843.724.216	143.941.542.115
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây<sup>(i)</sup></i>	<i>122.112.745.626</i>	<i>122.995.845.841</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Sở giao dịch 1<sup>(i)</sup></i>	<i>14.730.978.590</i>	<i>20.945.696.274</i>
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	3.635.220.000	1.350.220.000
<b>Cộng</b>	<b><u>140.478.944.216</u></b>	<b><u>145.291.762.115</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 01/2017/178571/HĐTD ngày 18 tháng 8 năm 2017, dư nợ tối đa là 380.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các hợp đồng cầm cố thế chấp đã và sẽ ký giữa Công ty và Ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 28881.17.002.40709.TD ngày 29 tháng 11 năm 2017, dư nợ tối đa là 50.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động hoạt động thi công xây lắp, kinh doanh thương mại vật tư công nghiệp và hạt nhựa của khách hàng. Lãi suất thả nổi, thời hạn tối đa 9 tháng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tiền - thẻ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi - giấy tờ có giá tại ngân hàng TMCP Quân đội và bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	143.941.542.115	101.953.545.022	(109.051.362.921)	136.843.724.216
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.350.220.000	2.285.000.000		3.635.220.000
<b>Cộng</b>	<b>145.291.762.115</b>	<b>104.238.545.022</b>	<b>(109.051.362.921)</b>	<b>140.478.944.216</b>

#### 18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	23.613.816.000	29.413.816.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây</i>	<i>23.613.816.000</i>	<i>29.413.816.000</i>
Vay dài hạn các cá nhân khác	4.553.028.002	4.643.028.002
<b>Cộng</b>	<b>28.166.844.002</b>	<b>34.056.844.002</b>

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây bao gồm 2 hợp đồng:

- Khoản vay theo hợp đồng vay số 03/2014/178571/HĐTD ngày 28 tháng 11 năm 2014 để đầu tư xây dựng hạ tầng 16ha – Khu số 2 thuộc dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị phục vụ các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa. Số tiền vay là 34.400.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất bằng lãi suất huy động bình quân VND 12 tháng trả sau cộng (+) phí Ngân hàng 3,5%/năm.
- Khoản vay theo hợp đồng vay số 02/2015/178571/HĐTD ngày 23 tháng 10 năm 2015 để đầu tư Văn phòng làm việc mới của công ty tại tầng 12, tòa nhà Licogi 13 Tower, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội. Số tiền vay là 17.000.000.000 VND với thời hạn 60 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất bằng lãi suất huy động bình quân VND 12 tháng trả sau cộng (+) tối thiểu 4%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	29.413.816.000		(5.890.000.000)	23.523.816.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.643.028.002			4.643.028.002
<b>Cộng</b>	<b>34.056.844.002</b>		<b>(5.890.000.000)</b>	<b>28.166.844.002</b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	965.652.330		(82.010.000)	883.642.330
Quỹ phúc lợi	682.891.489			682.891.489
<b>Cộng</b>	<b>1.648.543.819</b>		<b>(82.010.000)</b>	<b>1.566.533.819</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	8.594.613.949	12.635.754.985	158.001.250.288
Lợi nhuận kỳ trước					(3.528.740.178)	(3.528.740.178)
Trích lập các quỹ				1.661.732.605	(2.834.322.628)	(1.172.590.023)
Chia cổ tức, lợi nhuận					(8.891.577.600)	(8.891.577.600)
Giảm khác					(778.677.701)	(778.677.701)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>111.144.720.000</b>	<b>25.412.622.500</b>	<b>213.538.854</b>	<b>10.256.346.554</b>	<b>(3.397.563.122)</b>	<b>143.629.664.786</b>
Số dư đầu năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(24.009.675.920)	123.017.551.988
Lợi nhuận kỳ này					(5.989.823.281)	(5.989.823.281)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>111.144.720.000</b>	<b>25.412.622.500</b>	<b>213.538.854</b>	<b>10.256.346.554</b>	<b>(29.999.499.201)</b>	<b>117.027.728.707</b>

#### 20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.114.472	11.114.472
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu phổ thông	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu phổ thông	11.114.472	11.114.472
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.738,75	2.727,75
Euro (EUR)	75,91	72,38

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.150.188.883	47.409.507.703
Doanh thu cung cấp dịch vụ	238.250.000	5.483.462.793
Doanh thu hợp đồng xây dựng	149.778.052.265	63.500.104.018
<b>Cộng</b>	<b><u>151.166.491.148</u></b>	<b><u>116.393.074.514</u></b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	7.824.122.402	516.963.696
<b>Cộng</b>	<b><u>7.824.122.402</u></b>	<b><u>516.963.696</u></b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	829.618.462	44.052.338.365
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	371.665.814	4.353.199.334
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	134.782.539.685	51.130.814.767
Giá vốn khác		550.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>135.983.823.961</u></b>	<b><u>100.086.352.466</u></b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	797.341.209	1.012.186.675
Cổ tức, lợi nhuận được chia		2.170.479
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.279.858	31.637.766
Doanh thu hoạt động tài chính khác		28.210.095
<b>Cộng</b>	<b><u>799.621.067</u></b>	<b><u>1.074.205.015</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.554.551.765	10.444.785.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	38.161.119	49.754.647
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	118.448.900	
Chi phí tài chính khác		57.636.525
<b>Cộng</b>	<b>7.711.161.784</b>	<b>10.552.177.075</b>

### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	79.534.341	708.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.527.932	1.459.482.221
Các chi phí khác	101.232.109	368.931.139
<b>Cộng</b>	<b>467.294.382</b>	<b>2.536.413.360</b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.188.384.879	2.635.058.174
Chi phí vật liệu quản lý	540.649.157	447.909.966
Chi phí đồ dùng văn phòng	60.087.490	30.659.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	324.503.254	347.543.685
Thuế, phí và lệ phí	300.079.462	216.045.120
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	794.871.920	794.871.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.597.701	571.958.267
Các chi phí khác	1.216.438.959	1.951.890.662
<b>Cộng</b>	<b>5,963.612.822</b>	<b>6,995.937.544</b>

### 8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư		180.975.601
Thu nhập từ chuyển nhượng mỏ đá Hang Làng		4.029.447.423
Thu nhập từ cho thuê đất và tài sản Ba Lang		4.870.000.000
Thu nhập khác		11.621.875
<b>Cộng</b>		<b>9.092.044.899</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu		1.432.936.180
Phạt chậm nộp bảo hiểm	5.920.145	229.710.849
Giá trị còn lại của mỏ đá Hang Làng		7.413.017.346
Chi phí khác		324.556.090
<b>Cộng</b>	<b>5.920.145</b>	<b>9.400.220.465</b>

### 10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.989.823.281)	(3.528.740.178)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(5.989.823.281)	(3.528.740.178)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	11.114.472	11.114.472
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(539)</b>	<b>(317)</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về tạm ứng	480.013.997	275.013.997
Phải trả về tiền lương và thù lao	369.900.000	
Phải trả khác	164.240.000	110.160.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Licogi 13, số 164 đường Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thù lao được hưởng	737.400.000	890.084.211
Tiền lương và thù lao đã trả trong kỳ	367.500.000	890.084.211

### 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam nên Tập đoàn không lập Báo cáo bộ phận.

### 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

Lập, ngày 21 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Trần Thị Tuyết Chinh

Nguyễn Danh Sơn

Vũ Trọng Hùng